TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2025.
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 198/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2025/QĐST-DS ngày 26/5/2025 các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Vũ Đức T1**, sinh năm 1992.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Cộng hòa S.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Vũ Đức T1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/02/2017 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị T và anh T1 chung sống hòa thuận tại địa phương một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, suy nghĩ, tính cách, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có sự tin tưởng. Sau này anh T1 đi lao động tại Cộng Hòa S, vợ chồng rất ít liên lạc với nhau, hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không đạt được kết quả. Nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T1 theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Vũ Đức Gia H, sinh ngày 19/02/2018; Vũ Trâm A, sinh ngày 30/05/2020 và Vũ Tuấn A1, sinh ngày 15/06/2021. Chị T đề nghị giao các con chung là Vũ Đức Gia H và Vũ Trâm A cho anh Vũ Đức T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Vũ Tuấn A1 sẽ do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị T2 (mẹ đẻ của anh T1) xác định: Hiện nay anh T1 đang lao động ở Cộng Hòa S, gia đình không có địa chỉ cụ thể. Anh T1 vẫn liên lạc về gia đình. Anh T1 không gửi văn bản trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án, nhưng thông qua liên lạc với gia đình, anh T1 xác định giữa anh và chị T có mâu thuẫn, không hòa hợp và không có sự tin tưởng, nay chị T đề nghị giải quyết ly hôn anh cũng nhất trí; Về con chung: Anh T1 nhất trí nuôi dưỡng hai con chung là Vũ Đức Gia H và cháu Vũ Trâm A; chị T nuôi dưỡng con là Vũ Tuấn A1. Trong thời gian anh T1 ở nước ngoài, anh đồng ý để bà T2 tạm thời chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu. Bà T2 đồng ý thay anh T1 tạm nuôi dưỡng hai cháu Vũ Đức Gia H và cháu Vũ Trâm A. Về tài sản chung anh T1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của cháu Vũ Đức Gia H thể hiện cháu có nguyện vọng được ở với bố và bà nội.

Tại biên bản xác minh ở địa phương thể hiện: Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn hợp pháp. Thời gian chung sống với nhau không hòa hợp, không có sự tin tưởng nhau trong cuộc sống. Nay chị T có đơn ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T, bà T2 vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T1 vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn giấu địa chỉ. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Lê Thị Tuyết ly H1 anh Vũ Đức T1; Về con chung: Giao các con chung là Vũ Đức Gia H và Vũ Trâm A cho anh T1 nuôi dưỡng; trong thời gian anh T1 ở nước ngoài, đề nghị tạm giao cho bà T2 chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu. Giao con chung là Vũ Tuấn A1 cho chị T nuôi dưỡng; chị T và anh T1 thống nhất không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn với anh Vũ Đức T1 có nơi cư trú cuối cùng tại xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện anh T1 đang sinh sống tại C Séc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại phiên tòa chị T, bà T2 đề nghị xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Vũ Đức T1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/02/2017 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị T và anh T1 chung sống hòa thuận tại địa phương một thời gian thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, tính cách không hòa hợp, nên thường xuyên cãi nhau, không có sự tin tưởng. Vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm tới nhau. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh thông qua quan điểm của địa phương, đại diện gia đình và các đương sự, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Xử cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét thấy con chung của chị T, anh T1 là Vũ Tuấn A1 còn nhỏ nên việc giao cho chị T nuôi con là phù hợp. Các con chung là

Vũ Đức Gia H và Vũ Trâm A đang sinh sống ổn định tại gia đình bà T2, cháu H được ăn học đầy đủ tại Trường tiểu học C, huyện T. Để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và học hành của các con chung nên cần giao cháu H và cháu A cho anh T1 nuôi dưỡng là phù hợp. Trong thời gian anh T1 ở nước ngoài tạm giao hai con chung cho bà T2 nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và các con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có), theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Lê Thị Tuyết ly H1** anh **Vũ Đức T1.**

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Đức T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Đức Gia H, sinh ngày 19/02/2018 và Vũ Trâm A, sinh ngày 30/05/2020. Giao cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Tuấn A1, sinh ngày 15/06/2021.

Chị Lê Thị T và anh Vũ Đức T1 có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng cho con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Tạm giao các con chung là Vũ Đức Gia H, sinh ngày 19/02/2018 và Vũ Trâm A, sinh ngày 30/05/2020 cho bà Nguyễn Thị T2 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Vũ Đức T1 ở nước ngoài.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình) được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001798 ngày 21/04/2025.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; Bà Nguyễn Thị T2 có quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày. Anh Vũ Đức T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, Thời gian kháng cáo kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Tân